

Thiên đàng h^à a ng^à c hai quê

□□□□□ **Ai khôn th^à i v^à , ai đ^à i th^à i sa**

Tôi nh^à t^à i hai câu th^à đ^à y giáo lý cho tr^à em trên đây khi đ^à c bài “Đ^à c Thông Đi^à p Spe Salvi c^à a ĐTC Bi^à n Đ^à c XVI, H^à A NG^à C, THIÊN ĐÀNG” c^à a Gs Đ^à M^à nh Tri trong Di^à n Đ^à n Giáo Dân s^à 78 v^à a qua. Cũng trong th^à i gian g^à n đây, có m^à t cu^à c tranh lu^à n “t^à ” trên m^à ng gi^à a m^à t s^à anh ch^à em quanh đ^à tài thi^à n, ác, thiên đàng, h^à a ng^à c. Có anh nói Chúa không t^à o ra s^à đ^à , ác ch^à là khía c^à nh tiêu c^à c c^à a thi^à n. Có anh lý lu^à n thiên đàng h^à a ng^à c không ph^à i là nh^à ng n^à i ch^à n mà là tr^à ng thái tâm h^à n. Anh Đ^à M^à nh Tri, sau khi suy lu^à n v^à lòng th^à ng xót c^à a Chúa, bèn phán m^à t câu xanh r^à n: “Có thiên đàng đ^à i đ^à i, không có h^à a ng^à c đ^à i đ^à i”. M^à t anh b^à n cũng đã t^à ng nói v^à i tôi: “N^à u có h^à a ng^à c, làm sao chúng ta có th^à gi^à i thích lòng nhân ái vô b^à c^à a Thiên Chúa?”. Th^à y cu^à c tranh lu^à n khá h^à p đ^à n, tôi cũng xin nh^à p cu^à c đ^à cùng góp ý cho vui. Vi^à c góp ý ki^à n này xin đ^à c coi nh^à m^à t cu^à c th^à o lu^à n “ngoài lu^à ng”, t^à c là nói bá láp v^à nh^à ng suy nghĩ cá nhân, không dám đ^à ng t^à i th^à n h^à c và đ^à c tin “chính th^à ng”. Vì th^à xin các đ^à ng b^à c đ^à ng v^à i k^à t án b^à n này là r^à i đ^à o.

Theo đ^à c tin gi^à n đ^à c^à a nh^à ng đ^à ng đ^à o không suy nghĩ nhiều kh^à , ai theo Chúa và làm lành thì s^à đ^à c lên thiên đàng, ai ch^à ng Chúa và làm ác thì s^à ph^à i sa h^à a ng^à c. Thiên đàng là n^à i h^à nh phúc, vui thú khôn cùng, ngoài vi^à c đ^à c th^à y m^à t Đ^à c Chúa Tr^à i, còn đ^à c th^à a m^à n m^à i đ^à c v^à ng mà đ^à tr^à n gian không đ^à c th^à a m^à n. Có m^à t linh m^à c đã gi^à ng đ^à nhà th^à ch^à tôi đ^à trên thiên đàng mu^à n cái gì cũng có. Sau đ^à , tôi nói di^à u v^à i v^à linh m^à c này: “Mai m^à t đ^à trên đ^à y cha th^à c^à a đ^à c ăn steak và u^à ng r^à u vang kh^à i t^à n ti^à n”. Tôi nói v^à y vì bi^à t v^à linh m^à c này thích hai th^à đó. Còn h^à a ng^à c là n^à i đ^à a thi^à u đ^à a đ^à t đ^à i đ^à i ki^à p ki^à p. Truy^à n tích Đ^à c M^à hi^à n ra đ^à Fatima cũng k^à Đ^à c M^à đã hé c^à a h^à a ng^à c cho ba em nhìn th^à y đ^à a thi^à u đ^à t nh^à ng linh h^à n t^à i đ^à i trong đó.

N^à u xác tín nh^à trên thì không có gì ph^à i bàn thêm n^à a. Kh^à n^à i con ng^à đ^à i chúng ta v^à n có nhi^à u trăn tr^à , bi^à t m^à t đ^à i mu^à n bi^à t hại, nhi^à u khi l^à i c^à cái bi^à t c^à a mình ra mà m^à x^à . Đ^à nh r^à ng tin thì không c^à n bi^à t, nh^à ng tin mà bi^à t thì s^à tin v^à ng h^à n. Con ng^à đ^à i b^à tù t^à ng b^à i nh^à ng gi^à i h^à n c^à a thân xác. Tinh th^à n có bay b^à ng, mu^à n bi^à t r^à ng n^à ngành c^à a c^à n khôn v^à tr^à , mu^à n bi^à t c^à đ^à i tr^à c đ^à i sau, mu^à n có m^à t đ^à m^à i n^à i cùng m^à t lúc, nh^à ng thân xác b^à t đ^à c, không th^à làm th^à a m^à n tinh th^à n. Vì cái thân xác này, chúng ta thèm ăn, thèm ng^à , thèm đ^à th^à . Khi không đ^à c th^à a m^à n cái thèm, chúng ta đau kh^à . Cũng chính vì cái thân xác này, chúng ta m^à i bi^à t kho^à i, đau, ng^à a, rát, nóng, đ^à nh... Khi ch^à t là ch^à t thân xác, tinh th^à n đ^à c gi^à i thoát kh^à i nh^à ng gi^à i h^à n b^à thân xác ràng bu^à c. Vì v^à y, n^à u nói đ^à thiên đàng ch^à có ca hát, r^à c xách, ăn steak, u^à ng r^à u vang h^à t ngày này sang ngày khác; n^à u nói h^à a ng^à c ch^à có đ^à a thi^à u đ^à t đ^à hành h^à đ^à i đ^à i, thì hóa ra chúng ta đ^à y cái thân xác m^à ng d^à n v^à i r^à t nhi^à u

mê đ m đ làm th c đo s ban th ng thiên đàng và s tr ng ph t h a ng c. V y linh h n và thân xác có gì khác nhau?

Mu n t ng t ng thiên đàng ra sao, h a ng c ra sao, chúng ta ph i tr l i v n đ thi n, ác, nguyên nhân đ n t i thiên đàng hay h a ng c. Anh Ph m H ng Lam phát bi u: “Chúa ch t o nên th n lành. Và s đ không bao giờ là m t cái gì đ c l p, song nó ch xu t hi n nh là ph đ nh c a m t s lành. Ch trong t ng quan v i s lành m i có s đ , ch m t mình s đ thì không có”. Tôi chia s quan đi m này và xin nói thêm thi n, ác cũng ch là hai m t c a Ying và Yang theo quan ni m âm đ ng c a ph ng Đông.

Âm và D ng tuy khác bi t, có v đ i ngh ch nhau, nh ng th c s b túc cho nhau, n u không nói là làm tăng giá tr c a nhau. Không có bóng t i, ai bi t giá tr c a ánh sáng; không có l nh, ai bi t giá tr c a h i nóng; không có đàn ông, ai bi t giá tr c a đàn bà; không có s ch t, ai bi t giá tr c a s s ng... và không có ác, ai bi t giá tr c a thi n? Thi n ác là hai m t c a m t th c t i duy nh t. Theo Kim Đ nh, truy n th ng Vi t Nam cũng có khuynh h ng c p đôi theo tính “l ng h p”. Cái gì cũng ph i có hai ph n trái ng c m i t o nên m t th c th có giá tr đ y đ : b cái (cha m), v ch ng, tr i bi n, sông núi, r ng tiên, S n Tinh Th y Tinh... Nh v y m i h p v i quan ni m “V n v t đ ng nh t th ”. S dĩ chúng ta mu n phân chia r ch rồi thi n và ác vì chúng ta b nh h ng c a quan ni m nh nguyên (dualisme) ph ng Tây, lúc nào cũng mu n phân bi t ch th (sujet) và khách th (objet) đ phân đ nh cho rõ ràng tr ng ra tr ng, đen ra đen, đúng tinh th n khoa h c. Trong khi đó, ph ng Đông luôn có cái nhìn nh t nguyên (monisme), coi m i s đ u hòa đ ng, vũ tr là ta, ta là vũ tr , “thiên nhân vô nh lý” (tr i và ng i không do hai nguyên nhân khác nhau). Ph ng Tây là duy lý h c, ph ng Đông là đ o h c. H c gi Paul Masson-Oursel, trong cu n “La Pensée en Orient” cũng đã nh n ra đi u này: “K t Galilée, ti p theo là Descartes, có m t s chia c t quy t li t gi a chúng ta, nh ng ng i ph ng Tây và châu M , v i nh ng ng i ph ng Đông. Chúng ta đã c t đ t v i th i Trung C và thi t l p n n v t lý toán h c, trong khi ng i châu Á v n gi cái h c c đi n truy n th ng v i tâm h n tôn giáo” (1). Marcel Granet nh n xét thêm: “L i s ng đó thiên v s khôn ngoan mà không thiên v khoa h c, nó n i li n con ng i v i vũ tr , không ch ng đ i nhau nh t t ng ph ng Tây, và không phân bi t ch th và khách th , nó quan ni m tr t t c a vũ tr gi ng nh m t s hòa h p đ c th c hi n gi a thiên nhiên và xã h i”. (2). Nh v y, x u, t t, thi n, ác đ u là nh ng thành t t nhiên trong vũ tr và con ng i. Chúng đ u s ng chung v i nhau.

Khi nói thi n ác s ng chung không có nghĩa là thi n ác chung s ng hòa bình. Vì “thi n ác đ o đ u” nên luôn có m t cu c chi n tranh tr ng k gi a thi n và ác trong m i con ng i. Đôi khi thi n th ng ác, đôi khi ng c l i. Đ n cu i cu c đ i, n u thi n th ng nhi u h n ác, chúng ta s ra đi thanh th n, có th coi nh v thiên đàng. N u ác th ng thi n, chúng ta s nh m m t trong ân h n, d y vò, có th coi nh g p h a ng c. S ng hay kh phát xu t t tâm, tùy quan ni m c a chúng ta. Mu n đi t kh , cũng tùy ý chí c a chúng ta. Kinh Ph t đ y: “Kh tùy tâm sinh. Kh tùy tâm di t”. N u thiên đàng gi ng nh s di n t theo nh ng c v ng c a con ng i

xác th< t v< i ánh sáng huy hoàng, h< i hệ tri< n miên, thiên th< n ca hát t< ng b< ng, thì ng< i i đ< c h< ng cũng ch< vui lúc đ< u, sau đó s< nhàm chán. Thiên đàng ph< i là cái gì khác.

Thiên đàng, h< a ngục cũng nh< luy< n ng< c “không ph< i là đ< ch< nh< ng v< trí ‘đ< a đ<’ (lieux géographiques) mà là ý nói nh< ng tình tr< ng, nh< ng tr< ng hu< ng (état, situation)” nh< anh Tr< n Văn Khoan vi< t. N< u thiên đàng là m< t tr< ng thái c< a tâm h< n thì Thiên Đàng r< t g< n v< i quan ni< m Ni< t Bàn (Nirvana) c< a đ< o Ph< t. Đó là m< t cõi thịnh < ng và an bình tuy< t đ< i. Saripputa, m< t đ< t c< a Đ< c Ph< t, nói thêm: “Ni< t Bàn là n< i đ< p t< t m< i < c mu< n, đ< p t< t m< i h< n thù, đ< p t< t m< i < o v< ng” (3), t< c là không còn tham, sân, si. Thiên đàng c< a ng< i tin Chúa, ngoài s< an bình tuy< t đ< i và không còn nh< ng < c mu< n tr< n gian, còn có s< bao ph< c< a tình yêu Thiên Chúa. N< u ch< đ< c h< ng an bình, linh h< n v< n còn có th< c< m th< y cô đ< n. Có thêm tình yêu, h< nh phúc m< i th< t s< viên mãn, m< i đúng là c< c < c.

Cũng theo “logique” này, h< a ngục là tâm tr< ng b< c< t đ< t tình ng< i và tình Chúa, nên đau đ< n vì cô đ< c, đ< y v< o, thi< u v< ng tình yêu. L< a h< a ngục ch< là m< t bi< u t< ng. L< a h< u hình ch< có th< làm đau đ< n th< xác. L< a vô hình m< i làm đau đ< n tinh th< n.

Thiên đàng hay h< a ngục b< t đ< u ngay t< cu< c đ< i này. Thiên Chúa đã < p ra nh< ng lu< t t< nhiên, cái gì cũng có nhân có q< a. Gieo gió thì g< p bão, < hi< n g< p lành. Chúa nói: “Bay đông cho ai đ< u nào thì ta s< đông cho bay đ< u < y”, “K< nào dùng g< m s< ch< t vì g< m”. Dĩ nhiên không ph< i lúc nào nhân q< a cũng x< y ra nhân ti< n. Nhi< u k< ác v< n s< ng ph< y ph< y.

Nhi< u k< lành v< n ch< u nhi< u th< tại < ng. Tranh cãi v< đ< u này s< vô cùng và ch< ng ai có th< đ< a ra m< t gi< i đáp th< a đáng. Chúng ta ch< có th< rón rén đ< ngh< nh< ng gi< i thích dè d< t trong t< m hi< u bi< t h< n h< p c< a con ng< i. Có th< nhân q< a theo lu< t t< nhiên: < g< n núi < a đ< b< ch< t cháy, < g< n đ< i đ< ng đ< b< sóng th< n, < vùng bão t< ch< y ngang đ< b< x< p nhà, cha m< có căn b< nh nan y đ< truy< n b< nh cho con cháu... Có th< nhân q< a do con ng< i t< o ra: gây chi< n tranh s< làm dân mình ch< t tr< c; gây oán h< n s< b< tr< thù; gây t< i ác s< ng< i tù; gian đ< i s< b< phát giác và ph< i đ< n tr< ; lái xe nhanh đ< b< tại n< n, hút thu< c lá đ< b< b< nh tìm ph< i... Đó là nhân q< a áp đ< ng theo công lý c< a con ng< i. Nhi< u k< gian ác v< n < t < i công lý c< a ng< i nh< ng không th< < t < i công lý c< a Tr< i. H< có th< b< < ng tâm c< n r< t, tâm h< n không yên < n, lòng luôn sôi s< c nh< ng m< u toan, h< n thù, khi s< ng không có ng< i th< ng, khi ch< t không đ< nh< m m< t. Chúng ta không th< đòi h< i Tr< i th< ng ph< t công minh nh< n ti< n m< i vi< c < đ< i này. N< u nh< v< y thì làm gì còn t< do c< a con ng< i trong vi< c phán đoán và hành đ< ng. Và nh< v< y thì Tr< i đã can thi< p tr< c ti< p vào vi< c đ< i. Tr< i còn gì khác n< a đ< con ng< i trông mong? Con ng< i dù ác nh< ng v< n có nh< t đ< i m< < ng tâm, v< n có th< c< i tà quy chánh, v< n có th< tìm thiên đàng, hay s< bình yên, ngay trong cõi đ< i này. Ph< t nói: “T< giác nhi giác tha”. Hãy t< giác ng< thì m< i t< c< u đ< c mình.

Đi^u đó r^{ất} đ^{úng}, nh^{ưng} con đ^{ồng} ng^đ n^h Ni^{ết} Bàn theo cách Ph^{ật} t^{âm} y cô^đ n^h và xa xôi quá. Con đ^{ồng} ng^đ v^ì Thiên Đàng theo giao lý Công Giáo ng^h n^h nhi^{ều} u, vì ch^ỉ sau m^{ột} đ^ể i, không ph^{ải} i tr^ở i qua nhi^{ều} u ki^{ếp} p, l^à i đ^{ồng} c^{hi} Thiên Chúa đ^{ồng} ng^h hành và nâng đ^{ồng} . Sau khi r^ũ b^ỏ thân xác tr^{ên} gian, linh h^{ồn} n^h s^ẽ bay b^ỏ ng^h trong s^ố hi^{ệu} u bi^{ết} vô gi^{ới} i h^{ồn} n, s^ẽ đ^{ồng} c^{hi} h^{ồn} ng bình an và nh^{ất} là đ^{ồng} c^{hi} bao b^ỏ c trong tình yêu c^{ủa} Thiên Chúa. Đó là Thiên Đàng. N^{ếu} u ch^ỉ a th^{ực} p^h n hoàn h^o o, linh h^{ồn} n ng^h i ch^ỉ t còn đ^{ồng} c^{hi} ng^h i s^ẽ ng^h t^{âm} ng nh^ư , kích l^{òng} và c^ố u kh^{ông} n cho s^ẽ m hoàn thành giai đ^o n thanh luy^{ên} n, đ^{ồng} c^{hi} g^o i là luy^{ên} n ng^h c. S^ẽ hi^{ệu} p thông gi^{ới} a nh^{ưng} ng con ng^h i b^ỏ ng tinh th^{ần} n, không phân bi^{ệt} t s^ẽ ng ch^ỉ t, là đi^u chúng ta có th^ể tin, vì tình th^{ần} n thì không có gi^{ới} i h^{ồn} n.

Tr^ở l^{ại} i v^ề n đ^{ồng} có h^à n^g c^{hi} đ^ể i đ^ể i hay không, Gs Đ^{ồng} M^{inh} Tri đã nh^{ắc} c^{hi} Đ^{ồng} c Bê-nê-đi-cô XVI khi ngài trích d^{ẫn} n th^{ực} nh^ư t c^{ủa} Thánh Phaolô g^o i giáo dân thành Corintô nói v^ề ngày phán xét sau cùng: "...Công trình c^{ủa} ai đ^{ồng} ng v^ề ng, ng^h i i y s^ẽ đ^{ồng} c^{hi} ph^{ần} n th^{ực} ng; công trình c^{ủa} ai b^ỏ l^à a h^{ay} di^{ệt} t, ng^h i i y s^ẽ b^ỏ thi^{ệt} t. Và b^ỏ n thân ng^h i i y s^ẽ đ^{ồng} c^{hi} c^ố u đ^{ồng} , nh^{ưng} là nh^ư b^{ằng} qua l^à a". Anh Tri gi^{ới} i thích thêm, theo m^{ột} t s^ẽ nhà th^{ần} n h^{ọc} , l^à a thi^{ệt} đ^{ồng} t không ph^{ải} i là l^à a h^à n^g c, nh^{ưng} là l^à a thanh luy^{ên} n và cũng là l^à a c^ố u ch^ỉ a, là chính Chúa C^ố u Th^{ực} . T^{âm} t c^{hi} nh^{ưng} ng gì đ^{ồng} b^ỏ n n^h i ta s^ẽ b^ỏ thi^{ệt} h^{ay} m^{ột} t cách đau đ^{ồng} n, "nh^{ưng} là m^{ột} t s^ẽ đau đ^{ồng} n ph^{ần} c^{hi} h^{ay} nh, qua đó quy^{ên} n n^h n^g c^{hi} a tình yêu Thiên Chúa xuyên su^{ốt} t con ng^h i ta nh^ư m^{ột} t ng^h n l^à a đ^{ồng} cu^{ối} i cùng ta tr^ở nên hoàn toàn là ta và vì th^{ực} hoàn toàn thu^{ộc} c^{ủa} Chúa". Đ^{ồng} c Thánh Cha không nói q^u a quy^{ên} t có hay không có h^à n^g c^{hi} đ^ể i đ^ể i. Ngài nh^{ắc} n m^{inh} đ^{ồng} n lòng th^{ực} ng xót và h^{ay} ng ân c^{ủa} Thiên Chúa đ^{ồng} i v^ề i nh^{ưng} ng ng^h i có đ^{ồng} c^{hi} c^ố y. C^ố y tr^ở ng vào Chúa ch^ỉ c^{hi} ch^ỉ n s^ẽ đ^{ồng} c^{hi} c^ố u r^ủ i, dù ph^{ải} i qua "l^à a" thanh l^à c m^{ột} t cách đau đ^{ồng} n. V^ề y nh^{ưng} ng ng^h i không có đ^{ồng} c^{hi} c^ố y, v^ề n nh^ư n nh^ư làm ác thì sao? Theo tôi, h^{ay} là nh^{ưng} ng ng^h i gi^{ới} t ch^ỉ t tình yêu gi^{ới} a con ng^h i v^ề i con ng^h i, kh^{ông} c^{hi} t^{âm} tình yêu c^{ủa} Thiên Chúa. Đ^{ồng} i v^ề i nh^{ưng} ng k^ể đã kh^{ông} c^{hi} t^{âm} tình yêu, không ai có th^ể đem tình yêu d^{ẫn} vào tay b^ỏ t h^{ay} nh^ư n. Tình tr^ở ng này coi nh^ư h^{ay} t thu^{ộc} c^{ủa} ch^ỉ a. Hãy đ^{ồng} h^{ay} đ^{ồng} c^{hi} t^{âm} do trong tâm tr^ở ng cô^đ c^{hi} v^ề i nh^{ưng} ng h^{ay} n thù, oán h^{ay} n. Lúc đó n^{ếu} u h^{ay} có nh^{ưng} ng đ^{ồng} n v^ề t, ân h^{ay} n, nu^{ối} i ti^{ết} c, thì cũng đã quá tr^ở , vì khi ch^ỉ i t^{âm} h^{ay} ng ân là đã đ^{ồng} t khoát xua đ^{ồng} i c^{hi} may c^ố u chu^{ối} c.

Bàn chuy^{ên} n "ngoài luy^{ên} ng" nh^ư trên cũng là m^{ột} t cách hành x^ã quy^{ên} n t^{âm} do mà Thiên Chúa ban cho con ng^h i. Tuy nhiên, đ^{ồng} đ^{ồng} c^{hi} lên Thiên Đàng, ch^ỉ a ch^ỉ c^{hi} nh^{ưng} ng anh hay trăn tr^ở , hay cãi lý đã d^{ẫn} qua c^{ủa} ông Thánh Phêrô b^ỏ ng nh^{ưng} ng ng^h i ch^ỉ t ph^{ác} , ch^ỉ c^{hi} c^{hi} đ^{ồng} u tin và không c^{hi} n lý luy^{ên} n.

(1) *"Il y a une coupure décisive entre nous, Occidentaux d'Europe et d'Amérique, et les Orientaux, ici coexistensifs aux Asiatiques que depuis Galilée, suivi par Descartes. Nous avons rompu avec le Moyen Age et fondé la physique mathématique, les gens d'Asie ont gardé leurs scolastiques traditionnelles avec leurs âmes religieuses". (Paul Masson-Oursel, La Pensée en*

Orient. Trích theo Nguyễn Duy C n trong Nhập Môn Tri t H c Đông Ph ng, tr 27, 28. Xuân Thu tái bản t i Hoa K).

(2) *“Elle tend à la sagesse et non à la science, elle relie l’homme à l’univers, sans opposer, comme la pensée occidentale, le sujet et l’objet, elle pense l’ordre universelle comme une entente entre la nature et la société”.* (Marcel Granet, Les Idées du XXe siècle, tr 158. Edma, Paris 1978).

(3) *“L’extinction du désir, l’extinction de la haine, l’extinction de l’illusion”.* (Louise Chauchard, Le Bouddhisme, tr 52, Seghers, Paris 1997).